TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – THÁI NGUYÊN** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 50 /2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/7/2026.
v/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh Lý
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Quốc Huy
2. Bà Bàn Thị Thu Phương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2026/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1991;
Nơi thường trú: Xóm T, xã V, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1989;
Nơi thường trú: Xóm L, xã V, tỉnh Thái Nguyên.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị* Trần Thị L *trình bày:*

Chị kết hôn với anh Trần Văn T năm 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là UBND xã V, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối gì. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng 1 năm sau (2024) thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2025 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh T.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Trần Khánh V, sinh ngày 14/01/2024. Hiện tại đang ở với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Không có.

**Ý kiến trong bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 14/4/2026 bị đơn anh* T *trình bày:*

Anh xác nhận thông tin về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn vợ chồng như chị L trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc 1 thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, chị L về nhà nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không cùng chung sống từ tháng 01/2026. Tuy nhiên, anh mong muốn chị L rút đơn về đoàn tụ để nuôi dạy con chung trưởng thành, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, trường hợp chị L cương quyết xin ly hôn anh nhất trí. Quá trình chung sống vợ chồng 01 con chung là Trần Khánh V, sinh ngày 14/01/2024. Hiện tại đang ở với chị L, trường hợp vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Không có.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L. Cho chị L ly hôn anh Trần Văn T; Giao cho chung là cháu Trần Khánh V, sinh ngày 14/01/2024 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Chị Trần Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền*: Chị Trần Thị L, cư trú tại Xóm T, xã V, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 10/02/2026 chị L có đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Trần Văn T, cư trú tại Xóm L, xã V, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên.

- *Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:* Anh Trần Văn T mặc dù được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Năm 2023, chị Trần Thị L và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái

Nguyên (nay là Xã V, tỉnh Thái Nguyên). Đây là hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của pháp luật. Do đó, hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống và cách sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2025 đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải để anhToàn chị L về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:*"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ chung sống với nhau…".*

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định*: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*.

Như vậy, có thể thấy rằng mâu thuẫn giữa anh T, chị L đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Anh T và chị L có 01 con chung tên là Trần Khánh V, sinh ngày 14/01/2024. Chị L và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con.

Xét yêu cầu về việc giao con chung cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử thấy:

Con chung của chị L và anh T là cháu Trần Khánh V, sinh ngày 14/01/2024, tính đến thời điểm xét xử, cháu V được 30 tháng tuổi. Theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con."*

Hiện nay cháu Trần Khánh V còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, việc giao con cho chị L sẽ đảm bảo cho bé được chăm sóc và phát triển toàn diện; bản thân chị L có việc làm và thu nhập, có khả năng bảo đảm việc nuôi dưỡng con chung. Không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh chị L thuộc trường hợp không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mặt khác, anh T cũng không có mặt tại phiên tòa. Do đó, để bảo đảm quyền và lợi ích mọi mặt của cháu V, cần nên chấp nhận nguyện vọng của chị L, giao cháu V cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi có quyết định khác của Tòa án theo quy định của pháp luật. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con chung, anh T, chị L có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này anh T có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5]. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ pháp luật:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

2. Tuyên xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L đối với anh Trần Văn T. Cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Trần Văn T.

2.2. Về con chung: Giao con chung là Trần Khánh V, sinh ngày 14/01/2024 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Trần Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con và không ai được cản trở. Chị Trần Thị L và các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Không xem xét giải quyết. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự để giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

2.5. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0000719 ngày 26/02/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên (Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Thái Nguyên). *(Chị* L *đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm)*.

2.6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn (chị Trần Thị L) báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng bị đơn (anh Trần Văn T) báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thái Nguyên;*
- *VKSND tỉnh Thái Nguyên;*
- *VKSND khu vực 4-TN;*
- *Phòng THADS khu vực 4-TN;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Vô Tranh;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Lý